

Số: 70/2024/QĐST- DS

Quy Nhơn, ngày 05 tháng 4 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 26 tháng 3 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 113/2023/TLST-DS ngày 12 tháng 5 năm 2023.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội. Ngày 29/03/2024, Tòa án nhân dân TP. Quy Nhơn nhận được văn bản trình bày ý kiến của ông Nguyễn Minh Đ là người đại diện theo uỷ quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Công ty Cổ phần T2, theo đó, Công ty Cổ phần T2 đồng ý với toàn bộ nội dung thỏa thuận của nguyên đơn và bị đơn tại phiên hoà giải ngày 26 tháng 03 năm 2024.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Bích S, sinh năm: 1960

Địa chỉ: E P, phường C, quận B, TP ..

Đại diện theo uỷ quyền: Ông Hoàng Minh T, sinh năm: 1978

Địa chỉ: D đường T (Hẻm D L), phường T, quận A. Tp Hồ Chí Minh.

(Giấy uỷ quyền số 000265, quyền số 03/2023.TP/CC-SCC/HĐGD ngày 10/3/2023 của Văn phòng C, địa chỉ 51-53-55 Đoàn Như H, P, Q, Tp .)

* Bị đơn: Công ty cổ phần F và Resort

Trụ sở: Khu S, Khu D - C, xã N, TP ., tỉnh Bình Định.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Trần Thị Kim Q - Giám đốc Công ty.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Hoàng Duy T1 – Phó giám đốc

(Theo văn bản uỷ quyền số 36/GUQ-GĐ ngày 10/08/2023)

Người đại diện theo uỷ quyền lại: Ông Trần Văn H1 – Nhân viên

(Theo văn bản uỷ quyền số 70/GUQ-TGD ngày 28/11/2023)

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty Cổ phần T2

Trụ sở: Tầng B, Tòa nhà B, số B Cầu G, phường D, quận C, TP ..

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Tiến D – Tổng giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền lại: Ông Nguyễn Minh Đ – Nhân viên
(Theo văn bản uỷ quyền số 270/GUQ-TGD ngày 28/11/2023)

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về tiền thuê: Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là anh Hoàng Minh T và người đại diện hợp pháp của bị đơn là anh Trần Văn H1 thống nhất thỏa thuận:

- Đối với tiền thuê chưa trả: Công ty cổ phần F và R chưa trả tiền thuê cho bà Nguyễn Thị Bích S các năm 2019, 2020, 2021, 2022, 2023 (sau khi đã trừ 5% thuế thu nhập cá nhân, 5% thuế VAT và 300.000 đồng thuế môn bài hàng năm) được tính đến ngày 30/12/2023 với tổng số tiền là 473.597.000 đồng.

- Nghĩa vụ thanh toán tiền thuê: Công ty cổ phần F và R có nghĩa vụ thanh toán tiền thuê cho bà Nguyễn Thị Bích S các năm 2019, 2020, 2021, 2022, 2023 (sau khi đã trừ 5% thuế thu nhập cá nhân, 5% thuế VAT và 300.000 đồng thuế môn bài hàng năm) được tính đến ngày 30/12/2023 với tổng số tiền là 473.597.000 đồng.

2.2. Về lãi chậm trả: Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là anh Hoàng Minh T và người đại diện hợp pháp của bị đơn là anh Trần Văn H1 thống nhất thỏa thuận:

- Nguyên đơn miễn trừ lãi chậm trả năm 2021 cho bị đơn và không yêu cầu bị đơn trả lãi chậm trả năm 2023.

- Công ty cổ phần F và R có nghĩa vụ thanh toán lãi chậm trả năm 2022 (Kỳ 1 năm 2022 tính đến hết ngày 25/3/2024 là 13.065.000 đồng, kỳ 2 năm 2022 tính đến hết ngày 25/3/2024 là 9.078.000 đồng) với tổng số tiền là 22.143.000 đồng.

2.3. Về thời gian trả và phương thức trả tiền thuê, lãi chậm trả: Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là anh Hoàng Minh T và người đại diện hợp pháp của bị đơn là anh Trần Văn H1 thống nhất thỏa thuận: Công ty cổ phần F và Resort trả tiền thuê các năm 2019, 2020, 2021, 2022 và 2023 (sau khi đã trừ 5% thuế thu nhập cá nhân, 5% thuế VAT và 300.000 đồng thuế môn bài hàng năm) được tính đến ngày 30/12/2023 và lãi chậm trả năm 2022 cho bà Nguyễn Thị Bích S 01 lần vào ngày 26 tháng 05 năm 2024.

2.4. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là anh Hoàng Minh T và người đại diện hợp pháp của bị đơn là anh Trần Văn H1 thống nhất thỏa thuận: Bà Nguyễn Thị Bích S đã nộp tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 3.000.000 đồng. Công ty cổ phần F có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Bích S số tiền 3.000.000 đồng.

2.5. Về án phí: Công ty Cổ phần F phải chịu 11.915.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền và nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có

đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND TP. Quy Nhơn;
- Chi cục THADS TP. Quy Nhơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phạm Thị Hồng Diễm